

Số: /BC-UBND

Gia Lai, ngày tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Sơ kết Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về cải cách chính sách tiền lương

Thực hiện Công văn số 1952/BNV-CTL&BHXH ngày 06/3/2026 của Bộ Nội vụ; Công văn số 927-CV/ĐU ngày 20/3/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh về việc báo cáo sơ kết Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về cải cách chính sách tiền lương về cải cách chính sách tiền lương (sau đây viết tắt Nghị quyết số 27-NQ/TW); UBND tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả như sau:

I. KẾT QUẢ 8 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 27-NQ/TW

1. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 27-NQ/TW

1.1. Đối với khu vực công

Từ năm 2021, triển khai chuyển xếp lương mới theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo thống nhất đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong toàn bộ hệ thống chính trị và thực hiện điều chỉnh nâng mức tiền lương thấp nhất theo lộ trình tăng lương của Chính phủ.

1.2. Đối với khu vực doanh nghiệp

Thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước theo các nội dung của Đề án cải cách chính sách tiền lương được phê duyệt.

Từ năm 2021, định kỳ thực hiện điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng; thực hiện tự chủ trong việc trả lương cho người lao động trên cơ sở thỏa thuận giữa người sử dụng lao động với người lao động và đại diện tập thể người lao động trong các doanh nghiệp; triển khai quản lý lao động, tiền lương trong doanh nghiệp nhà nước theo phương thức khoán chi phí tiền lương gắn với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và tiến tới thực hiện quản lý lao động, tiền lương trong doanh nghiệp nhà nước theo phương thức khoán nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (đến năm 2030).

2. Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung cải cách

2.1. Nội dung cải cách đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đã áp dụng thống nhất các bảng lương; bảng phụ cấp quân hàm sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ và bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ. Thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, các chế độ phụ cấp có liên quan và trả lương, khen thưởng kịp thời, đúng quy định. Thực hiện kịp

thời, đầy đủ các đợt điều chỉnh mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang theo quy định của Chính phủ, trong đó từ năm 2018 đến nay, đã thực hiện quy định điều chỉnh mức lương cơ sở, 04 lần¹. Nhờ vậy, năm 2025, tiền lương của cán bộ, công chức trung bình 15,23 triệu đồng/người/tháng, viên chức trung bình 16,28 triệu đồng/người/tháng, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trung bình 9,07 triệu đồng/người/tháng.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện nội dung cải cách khu vực doanh nghiệp

Các cơ quan chức năng của UBND tỉnh đã quan tâm, tăng cường quản lý chặt chẽ lao động, tiền lương, tiền thưởng tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Các doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các đợt điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ, nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình của người hưởng lương, trong đó, từ năm 2018 đến nay, đã thực hiện quy định điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng, 05 lần². Nhờ vậy, năm 2025, tiền lương thực trả đối với người lao động, tại doanh nghiệp: Khối doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, có mức lương bình quân 9,84 triệu đồng/tháng; khối doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp Nhà nước chi phối, có mức lương bình quân 9,75 triệu đồng/tháng; khối doanh nghiệp dân doanh, có mức lương bình quân 8,06 triệu đồng/tháng; khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), có mức lương bình quân 10,75 triệu đồng/tháng; người có mức lương cao nhất là 243,93 triệu đồng/tháng, thấp nhất 3,86 triệu đồng/tháng³.

Mặc dù tỉnh đã có nhiều giải pháp quyết liệt trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW từ Trung ương cho đến địa phương. Tuy nhiên, trong điều kiện tình hình kinh tế - xã hội ở trong nước và trên thế giới hết sức khó khăn, mà trực tiếp là tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế - xã hội của đất nước. Trước tình hình đó, Trung ương đã ít nhất 02 lần quyết định lùi thời điểm áp dụng cải cách tiền lương cho đến thời điểm thích hợp⁴. Do đó, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW trên địa bàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung, gặp rất nhiều khó khăn, chưa đạt được đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ đã đặt ra.

3. Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đã tập trung tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ

¹ Tháng 7/2018 (lần 1): 1.390.000 đồng/tháng; tháng 7/2019 (lần 2): 1.490.000 đồng/tháng; tháng 7/2023 (lần 3): 1.800.000 đồng/tháng; tháng 7/2024 (lần 4): 2.340.000 đồng/tháng.

² Tháng 01/2019 (lần 1), vùng I: 4.180.000 đồng/tháng, vùng II: 3.710.000 đồng/tháng, vùng III: 3.250.000 đồng/tháng, vùng IV: 2.760.000 đồng/tháng; tháng 01/2020 (lần 2), vùng I: 4.420.000 đồng/tháng, vùng II: 3.920.000 đồng/tháng, vùng III: 4.160.000 đồng/tháng, vùng IV: 3.070.000 đồng/tháng; tháng 7/2022 (lần 3), vùng I: 4.680.000 đồng/tháng, vùng II: 3.920.000 đồng/tháng, vùng III: 3.640.000 đồng/tháng, vùng IV: 3.250.000 đồng/tháng; tháng 7/2026 (lần 4), vùng I: 4.680.000 đồng/tháng, vùng II: 3.920.000 đồng/tháng, vùng III: 3.640.000 đồng/tháng, vùng IV: 3.450.000 đồng/tháng; tháng 01/2026 (lần 5), vùng I: 5.310.000 đồng/tháng, vùng II: 4.730.000 đồng/tháng, vùng III: 4.140.000 đồng/tháng, vùng IV: 3.700.000 đồng/tháng.

³ Báo cáo số 211/BC-SNV ngày 25/12/2025 của Sở Nội vụ.

⁴ Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 13 ngày 09/10/2020, Ban Chấp hành Trung ương khoá XII đã quyết định lùi cải cách tiền lương đến ngày 01/7/2022 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 23/2021/QH15; tại kỳ họp thứ hai ngày 13/11/2021, Quốc hội tiếp tục thông qua Nghị quyết 34/2021/QH15 về việc lùi thời điểm áp dụng cải cách tiền lương đến thời điểm thích hợp thay vì từ 01/7/2022.

trang và người lao động trong doanh nghiệp về quan điểm, mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu và các nội dung cơ bản của Nghị quyết số 27-NQ/TW, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng⁵. Công tác thông tin, tuyên truyền đã kịp thời chuyển tải chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cải cách chính sách tiền lương đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, gắn với xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; góp phần đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, nhận thức lệch lạc. Từ đó, đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động đối với công tác tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW trên địa bàn tỉnh.

3.2. Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm

Các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai xây dựng và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo, bản mô tả công việc, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức và khung năng lực theo từng vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo gắn với việc sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế. Thực hiện công tác tuyển dụng, sắp xếp, bố trí, sử dụng, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, bảo đảm tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định tạm giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối chính quyền của tỉnh Gia Lai năm 2025 gồm: 8.681 biên chế công chức, 52.991 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và tham mưu điều chuyển 113 biên chế cho các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ về Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh quản lý. Việc giao biên chế, đặc biệt đối với biên chế cán bộ, công chức cho cấp xã được bám sát các quy định của Trung ương về định hướng khung giao biên chế sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và phù hợp với hiện trạng số công chức cấp xã địa bàn tỉnh.

Sở Nội vụ xây dựng danh mục vị trí việc làm và hướng dẫn tạm thời việc xác định vị trí việc làm và bố trí nhân lực theo vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ở cấp xã⁶.

⁵ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cung cấp thông tin, định hướng tuyên truyền về những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 27-NQ/TW và các văn bản có liên quan thông qua Bản tin Thông báo nội bộ hàng tháng, các hội nghị báo cáo viên, hội nghị giao ban báo chí, triển khai 03 bộ tài liệu do Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn và phát hành, gồm: Tài liệu nghiên cứu, tài liệu học tập và tài liệu hỏi - đáp Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa XII; các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các địa phương trong tỉnh tuyên truyền Nghị quyết số 27-NQ/TW thông qua các bản tin, các trang thông tin điện tử, hệ thống đài truyền thanh các cấp.

⁶ Văn bản số 416/SNV-TCBC ngày 24/7/2025.

3.3. Việc xây dựng và ban hành chế độ tiền lương mới

a) Sửa đổi, hoàn thiện các quy định của tỉnh liên quan đến chính sách tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức:

UBND tỉnh đã phân cấp đề thủ trưởng các cơ quan, địa phương, đơn vị trực tiếp quyết định thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, bảo đảm việc thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức được kịp thời, đúng quy định. Đã rà soát, sửa đổi, bổ sung một số quy định về nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ⁷; chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ⁸. Trong điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, các chính sách hỗ trợ và mức hỗ trợ tuy không cao nhưng đã góp phần động viên, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ bác sĩ, dược sĩ yên tâm công tác, cống hiến vì lợi ích chung.

b) Thực hiện cơ chế thỏa thuận về tiền lương trong doanh nghiệp:

Đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phối hợp, trao đổi với tổ chức công đoàn cơ sở rà soát, sửa đổi, bổ sung các nội dung cho phù hợp với chính sách, pháp luật, điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, quy chế trả lương, quy chế thưởng để tổ chức thực hiện, bảo đảm quyền hợp pháp, lợi ích chính đáng của người lao động, góp phần ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; xây dựng phương án thưởng theo kết quả sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Lao động và thông báo cho người lao động trong doanh nghiệp biết; đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn tiền lương, tiền thưởng trong dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán cho người lao động, không để xảy ra tình trạng nợ lương, nợ thưởng của người lao động dẫn đến bất đồng, nguy cơ tranh chấp lao động, đình công phát sinh trong doanh nghiệp, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh chủ động theo dõi, nắm bắt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc làm và đời sống của người lao động, tình hình quan hệ lao động tại doanh nghiệp; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về lao động, nhất là những quy định mới về việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội; phối hợp kiểm tra việc thực thi chính sách, pháp luật về lao động, đề xuất kiến nghị xử lý nghiêm minh, kịp thời những trường hợp vi phạm; thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp.

3.4. Các giải pháp tài chính ngân sách

a) Phát triển kinh tế - xã hội:

Tỉnh ủy đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có nhiều giải pháp quyết liệt trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại

⁷ Quyết định số 3289/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh.

⁸ Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh.

hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ⁹. Nhờ vậy, tỉnh Gia Lai đã đạt được các thành tựu phát triển đáng ghi nhận: Tốc độ tăng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng trưởng bình quân 5 năm (giai đoạn 2020 - 2025) đạt trên 6,71%; GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 87,2 triệu đồng/ người (tương đương 3.555 USD/ người); thu ngân sách năm 2025 khoảng 27.000 tỷ đồng; cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản 27,1%; công nghiệp - xây dựng 30,9%; dịch vụ 38%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4%¹⁰. Nhờ vậy, đã góp phần cho tỉnh chủ động trong bố trí nguồn lực để thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW.

b) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thu - chi ngân sách nhà nước:

Tỉnh ủy cũng đã chỉ đạo quyết liệt, thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản lý thu - chi ngân sách Nhà nước để tạo nguồn lực cho cải cách chính sách tiền lương. Tăng cường quản lý thu, chống thất thu, xử lý và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế. Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và đầu tư xây dựng cơ bản. Hằng năm, dành 50% tăng thu dự toán và 70% tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương; thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên để tạo nguồn lực cho cải cách chính sách tiền lương.

Đã đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi từ phí sang thực hiện giá dịch vụ sự nghiệp công, từng bước tính đúng, tính đủ các chi phí đối với các loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu, đồng thời gắn với chính sách hỗ trợ phù hợp cho người nghèo, đối tượng chính sách. Đối với giá dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, giao quyền tự chủ cho các đơn vị cung ứng dịch vụ tự quyết định theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy.

Đơn vị sự nghiệp công tiếp tục sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ (riêng đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế - dân số sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí đã kết cấu vào giá dịch vụ), tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để bảo đảm nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

Tiếp tục rà soát, bãi bỏ các quy định định về các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước. Ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả quy định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Từ đó, đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý thu - chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

⁹ Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 24/2016/NQ-QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020.

¹⁰ Phụ lục 4 - Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

c) Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh:

Các cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Tập trung giải quyết các thủ tục cấp phép đầu tư, tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các ngành có liên quan để bảo đảm công tác thẩm định, tham gia ý kiến đối với các dự án đầu tư đúng hạn và chất lượng. Nâng cao vai trò Tổ công tác xúc tiến và hỗ trợ đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ưu tiên tập trung ở các khâu: đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng, giải quyết thủ tục giao đất..., gắn với việc cải thiện phương thức, nâng cao ý thức, trách nhiệm và thái độ làm việc của đội ngũ công chức, viên chức thụ lý, giải quyết hồ sơ của doanh nghiệp, đại điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp; khuyến khích người dân, doanh nghiệp góp ý trực tiếp, bảo đảm các kiến nghị, phản ánh được xử lý kịp thời, có hiệu quả. Đẩy mạnh minh bạch hóa thủ tục hành chính; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nhằm hạn chế tiêu cực, phiền hà, sách nhiễu trong giải quyết thủ tục hành chính.

3.5. Kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận của Đảng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, các đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nêu cao trách nhiệm, quyết tâm thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, tăng cường hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng về công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị, thực hiện việc tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tốt công tác tư tưởng và giải quyết kịp thời chế độ, chính sách đối với các trường hợp bị ảnh hưởng do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế lựa chọn, đánh giá, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Sau hợp nhất, UBND tỉnh Gia Lai: có 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (gồm 78 phòng, 14 Chi cục và tương đương), 01 Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (gồm 06 phòng); có 1.575 đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: 09 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; 282 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, ngành, chi cục (sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 103, sự nghiệp khác: 179); 1.284 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã (sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 1.165, sự nghiệp khác: 119); có 135 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 110 xã, 25 phường).

UBND tỉnh đã ban hành kịp thời Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 14/14 sở và 01 tổ chức hành chính khác (Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh); 14/14 chi cục thuộc sở và tương đương; 09/09 ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh và 251/251 ĐVSNCL thuộc sở và tương đương. Đồng thời, UBND

tỉnh đã ban hành hướng dẫn nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc ĐVSNCL xã, phường.

3.6. Về hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước:

Ngay sau khi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chính thức hoạt động, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của 02 tỉnh Bình Định và Gia Lai (trước đây); trên cơ sở đó, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2025¹¹ đảm bảo tính kế thừa, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ chưa hoàn thành của 02 địa phương trước sáp nhập; đồng thời, điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, theo đó xác định 30 nhiệm vụ trọng tâm với các chỉ tiêu phấn đấu trên 06 lĩnh vực của công tác CCHC. Đến nay, toàn bộ các đơn vị mới đã chính thức đi vào hoạt động với bộ máy xã, phường vận hành ổn định, nề nếp. Các thiết chế phục vụ nhân dân được kiện toàn và bố trí đầy đủ, hoạt động theo phương châm “*gần dân hơn, sát dân hơn, phục vụ nhân dân tốt hơn*”, từ đó đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý nhà nước và tạo động lực mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 14/10/2025 về triển khai thực hiện phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm: Triển khai thực hiện có hiệu quả các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước trên cơ sở tuân thủ các quy định của Hiến pháp năm 2013 gắn với hoàn thiện thể chế; bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất, thông suốt; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền để góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước; xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, kiến tạo và phục vụ nhân dân.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Qua 08 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đã quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, gắn với thực hiện chế độ, chính sách, nâng cao thu nhập, tạo động lực cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động yên tâm công tác, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tỉnh ủy đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù riêng, nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cải thiện, nâng cao thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức: Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ;...

¹¹ Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cấp xã được tổ chức, sắp xếp tổ chức bộ máy bảo đảm tinh gọn; từng bước đổi mới phương thức quản lý, điều hành, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, quản lý thu - chi ngân sách nhà nước đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động trong các doanh nghiệp được nâng lên, có cơ cấu và tỷ lệ hợp lý.

Cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh luôn quan tâm cải thiện môi trường làm việc, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, để cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động làm việc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động được thực hiện kịp thời, theo đúng quy định.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tích cực tham gia công tác thông tin, tuyên truyền, tổ chức nhiều hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao để tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích và thiết thực, từ đó đã động viên, khích lệ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động tích cực tham gia lao động, sản xuất.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Chế độ tiền lương giữa cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động vẫn còn bất cập, nhất là một số chế độ về phụ cấp chưa có sự thống nhất. Mức tiền lương trung bình của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động trong các doanh nghiệp cơ bản cao hơn mức lương tối thiểu vùng nhưng trong thực tế tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức trẻ còn chưa đáp ứng được yêu cầu tối thiểu của bản thân và gia đình.

- Quá trình điều chỉnh, triển khai từng nội dung của chính sách tiền lương vẫn còn bất cập, chính sách tiền lương dù đã trải qua nhiều lần cải cách nhưng chưa tạo ra động lực đủ mạnh cho người hưởng lương phát huy tài năng, không khuyến khích người có năng lực. Trong đó, tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống chính trị còn thấp, chưa đảm bảo so với mặt bằng chung của xã hội, chưa thật sự là động lực để thu hút, gắn bó lâu dài.

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, giá dịch vụ sự nghiệp công được xác định theo quy định của pháp luật về giá, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và lộ trình tính giá theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, hiện nay, các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công chưa được trung ương ban hành đầy đủ dẫn đến các đơn vị, địa phương rất lúng túng trong việc xây dựng và đề xuất ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định.

*** Nguyên nhân của hạn chế**

- Trung ương chậm ban hành các quy định mới, sửa đổi, bổ sung chưa kịp thời những vấn đề mới phát sinh liên quan đến chế độ tiền lương.

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự chủ động, còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan cấp trên trong việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, tạo nguồn thu để nâng cao mức độ tự chủ của đơn vị.

- Quy mô nền kinh tế của tỉnh còn nhỏ, nguồn lực còn hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, coi trọng công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, của các cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động trong doanh nghiệp về quan điểm, mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của cải cách chính sách tiền lương đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải xác định cải cách chính sách tiền lương là nhiệm vụ quan trọng, là khâu đột phá trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hai là, bám sát, nắm chắc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, kịp thời đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm trong việc thực hiện chế độ, chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Ba là, tăng cường sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, phát huy những mặt tích cực đã đạt được, đề ra những giải pháp khắc phục những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nhất là việc triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy, biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Bốn là, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương trong các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

Năm là, phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương trong các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẾN NĂM 2030

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhằm nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động về quan điểm, mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của cải cách chính sách tiền lương.

2. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương về cải cách chính sách tiền lương; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Tăng cường công tác quản lý thu - chi ngân sách nhà nước, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để tạo nguồn lực cho cải cách chính sách tiền lương.

4. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước, đẩy mạnh thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nhằm tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh.

5. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và hội, đoàn thể các cấp trong tham gia thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW; giám sát việc thực hiện của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ:

Đề nghị sớm ban hành quy định chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, bảo đảm trả lương theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo.

2. Đối với Bộ Nội vụ:

- Hướng dẫn cụ thể về định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí tiền lương kết cấu trong giá để các địa phương có cơ sở tính đúng tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ, theo đúng quy định.

- Rà soát các quy định về phụ cấp ngành, phụ cấp khu vực và phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, để bảo đảm trả lương theo vị trí việc làm nhằm thu hút nguồn nhân lực vào các ngành, lĩnh vực đặc thù phục vụ cho sự phát triển, đặc biệt sau sáp nhập đơn vị hành chính.

Trên đây là Báo cáo Sơ kết Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về cải cách chính sách tiền lương, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nội vụ;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, C4, T5, V1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC
TIỀN LƯƠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2025

T T		Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (Người)	Quỹ tiền lương (Triệu đồng)	Chia ra (triệu đồng)			Tiền lương tăng thêm (Triệu đồng)	Thu nhập khác (Triệu đồng)	Tổng thu nhập (Triệu đồng)	Thu nhập bình quân (Triệu đồng/người)
				Lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Các khoản phụ cấp lương	Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ				
		(1)	(2) = (3)+(4)+(5)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(2)+(6)+(7)	(9)=(8)/(1)
1	Đối tượng hưởng lương trong cơ quan hành chính									
a)	Cán bộ, công chức	7,172	1,167,967.08	681,006.22	335,698.06	151,262.80	90,946.49	52,442.60	1,311,356.16	182.84
b)	Người lao động làm việc theo hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	243	20,163.49	15,746.21	915.93	3,501.35	2,242.78	793.76	23,200.03	95.47
2	Đối tượng hưởng lương trong đơn vị sự nghiệp									
a)	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư									
	Viên chức	856	133,554.92	86,320.07	24,222.34	23,012.51	34,058.24	18,420.20	186,033.36	217.33
	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt	195	16,485.86	11,950.75	559.01	3,976.10	9,254.33	934.44	26,674.63	136.79
	Người lao động làm việc theo hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	568	51,728.01	39,024.99	1,539.87	11,163.15	1,493.65	23,032.60	76,254.25	134.25
b)	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên									
	Viên chức	3,814	597,650.81	356,356.87	158,145.64	83,148.30	43,113.88	11,593.41	652,358.09	171.04
	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt	296	26,973.67	17,792.01	4,966.83	4,214.83	3,586.73	1,449.84	32,010.25	108.14
	Người lao động làm việc theo hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	802	69,548.03	51,041.92	6,817.53	11,688.59	6,157.76	992.22	76,698.01	95.63
c)	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên									
	Viên chức	9,832	1,769,918.72	973,664.21	541,715.18	254,539.33	63,533.80	61,738.18	1,895,190.70	192.76
	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt	526	58,882.39	39,383.14	7,879.19	11,620.06	3,203.90	812.86	62,899.15	119.58
d)	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên									
	Viên chức	36,941	7,107,270.08	3,997,757.73	2,184,939.48	924,572.87	160,090.77	140,349.79	7,407,710.64	200.53

T T		Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (Người)	Quỹ tiền lương (Triệu đồng)	Chia ra (triệu đồng)			Tiền lương tăng thêm (Triệu đồng)	Thu nhập khác (Triệu đồng)	Tổng thu nhập (Triệu đồng)	Thu nhập bình quân (Triệu đồng/người)
				Lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Các khoản phụ cấp lương	Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ				
	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt	272	18,671.13	13,453.95	1,357.29	3,859.89	401.35	251.13	19,323.61	71.04
	Người lao động làm việc theo hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	721	57,221.64	49,448.69	1,215.41	6,557.54	1,620.81	247.79	59,090.25	81.96